TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST- HNGĐ ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Việt H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu C, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Việt H *trình bày:*

Anh Trần Việt H và chị Nguyễn Thị Thu H1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2013 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại bản Bùn 4, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai đến tháng 3/2017 thì chuyển về sống tại khu C, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau dần vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Anh H và chị H1 đã sống ly thân 04 năm nay. Nay anh H xác định tình cảm không còn tình cảm, xin được ly hôn chị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đức M, sinh ngày 24/9/2013, hiện nay cháu M đang ở cùng chị H1. Sau khi ly hôn, anh H để chị H1

trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Chị H1 (bị đơn) đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho anh Trần Việt H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H1

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức M, sinh ngày 24/9/2013. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 do chị H1 trình bày quan điểm

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do nguyên đơn không yêu cầu; chị H1 không đến tòa và không trình bày quan điểm của mình.

+ Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Trần Việt H và chị Nguyễn Thị Thu H1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị H1 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; anh H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) căn cứ Điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị H1 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Trần Việt H và chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 30/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H và chị H1 bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng và khu dân cư tại xã Đ cho biết: hiện nay chị H1 đang ở tại khu C, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ cùng con trai, anh Trần Việt H không chung sống cùng chị H1 và con trai.

Tòa án báo gọi chị H1 nhiều lần nhưng chị H1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải. Anh H và chị H1 đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị H1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho anh H ly hôn chị H1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: anh H và chị H1 01 con chung là cháu Trần Đức M, sinh ngày 24/9/2013. Xét thấy, qua xác minh tại địa phương xác định, hiện nay cháu M đang do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; Toà án nhân dân duyện Thanh Ba đã về địa phương để tiến hành lấy ý kiến quan điểm của cháu M nhưng không được do cháu M và chị H1 không có nhà; Hiện khoảng thời gian này các cháu đang nghỉ hè, không học tập tại trường học. Anh H cũng có nguyện vọng để chị H1 trực tiếp chăm sóc cháu M. Vì vậy, xét giao cháu M cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1 do chị H1 không trình bày hay có quan điểm gì.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: anh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; Chị H1 không có quan điểm về sự việc trên, vì vậy HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Việt H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H1

[2]. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức M, sinh ngày 24/9/2013 kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Trần Việt H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003692 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Việt H và chị Nguyễn Thị Thu H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Bảo Hà.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan